

# Những Đóa Hoa Tình

Đỗ Bình

Khung trời văn học nghệ thuật là một cõi mệnh mông vô tận, do đó người nghệ sĩ phải tự tìm cho mình một phong cách riêng qua sáng tạo thể hiện tác phẩm mà vẫn giữ những nét riêng không hòa lẫn vào bản sắc của người khác để đến chân Thiện Mỹ. Tâm hồn nghệ sĩ đa cảm bắt nguồn từ trong cái thực ngoài đời hòa với cái mộng của tâm cảnh hay ngược lại, đôi khi từ vô thức để hình thành tác phẩm. Để có một tác phẩm giá trị ngoài những yếu tố chân thiện mỹ người nghệ sĩ phải hòa theo số mệnh thăng trầm của dòng lịch sử đất nước, lấy tình yêu quê hương và con người làm nguồn sáng tác, người nghệ sĩ không chỉ vui chơi với nghệ thuật để thỏa mãn chính mình và số ít bằng hữu rồi quên chuyện thế nhân mà phải đồng cảm với nỗi niềm của tha nhân, từ đó phác họa ra một chân trời mới riêng mình nhằm cống hiến cho đời những giai điệu đẹp. Trước sự biến đổi của ngoại cảnh tâm hồn con người đều bị tác động, nếu có khác chăng là tâm hồn người nghệ sĩ dễ cảm xúc và nhạy bén hơn nên đã hòa nhập ngoại cảnh với tâm cảnh khơi dậy những nỗi niềm bằng góc nhìn độc đáo để chia sẻ những thương cảm vui buồn của tha nhân dệt thành những áng văn thơ giai điệu say đắm lòng người, đó là tác phẩm.

Thế giới ngày nay đã thay đổi, sự văn minh tiến bộ trên lãnh vực khoa học khiến con người ngày càng thực nghiệm xa dần tính lãng mạn cõi riêng mộng mị để bước vào thế giới chung đầy ảo của internet, do đó một số đông công chúng đã thờ ơ với những tác phẩm văn học nghệ thuật. Trước cái hụt hẫng đó rất may còn có những người nghệ sĩ chân chính vẫn tận tụy miệt mài đeo đuổi chân thiện mỹ cho dù con đường văn nghệ càng đi càng gian nan và mù mịt!

Dòng thời gian vẫn lặng lẽ trôi, chỉ có những tâm hồn nghệ sĩ mới có khả năng suy tưởng nhìn thấy ảo giác để kéo ngược thời gian quay về quá khứ tìm lại những dấu vết của kỷ niệm xưa. Nhà thơ Vũ Đình Liên đã viết một bài thơ để đời lần đầu tiên in trên báo Tinh Hoa năm 1936:

*Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy đỏ  
Bên phố đông người qua  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài  
"Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa rồng bay".  
Nhưng mỗi năm mỗi vắng  
Người thuê viết nay đâu?  
Giấy đỏ buồn không thắm  
Mực đọng trong nghiên sầu...  
Ông đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay  
Lá vàng rơi trên giấy  
Ngoài giời mưa bụi bay.  
Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ ?!  
(Ông Đồ)*

Từ ngàn xưa những lời tỏ tình của trai gái gặp nhau rất lãng mạn, họ đã để lại trong Thi ca Việt Nam nhiều giai thoại hay, sau đó được các thi nhân ẩn danh minh họa ra những câu thơ tặng cho đời. Biết bao những bài thơ tình tuyệt vời còn lưu truyền trong văn học mãi đến nay:

*Hôm qua tát nước đầu đình,  
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.  
Em được thì cho anh xin,*

*Hay là em để làm tin trong nhà.*  
(Ca Dao)

Thơ là thông điệp của tình yêu, là kho tàng cất giữ lời hẹn ước trăm năm của hai kẻ yêu nhau chứa đầy hương thơm mật ngọt lẫn trái đắng của những cuộc tình. Thi sĩ Xuân Diệu một trong những người mở đầu cho trường phái lãng mạn trong thi ca Việt nam đầu thế kỷ trước. Có thể nói Xuân Diệu là thi sĩ tiêu biểu cho Thơ Tình lãng mạn thời kỳ ấy, nhà thơ đã cảm nhận tình yêu qua câu thơ tuyệt vời:

*Yêu là chết ở trong lòng một ít  
Vi mấy khi yêu mà chắc được yêu .  
Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu ;  
Người ta phụ , hoặc thờ ơ, chẳng biết ...  
Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt .  
Tuồng trăng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,  
Vi mấy khi yêu mà chắc được yêu!  
-- Yêu, là chết ở trong lòng một ít ...  
(Yêu 1935 )*

Thời kỳ thi ca bước vào trào lưu lãng mạn, nhất là từ ngày truyện ngắn Hoa Tigôn của Thanh Châu đăng trên Tiểu thuyết thứ Bảy của Vũ Đình Long năm 1937 Và tiếp theo là bài thơ thứ nhất: Hai Sắc Hoa Tigôn của T.T.K.H đã gây xôn xao dư luận và tạo nên một nghi vấn văn học ai là tác giả bài thơ đó kéo dài mãi hôm nay!

*Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...  
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.  
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời  
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,  
Mà từng thu chết, từng thu chết,  
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".*

Bài thơ như một tiếng vọng của con tim thét lên làm xôn xao dư luận trong một xã hội mà nền luân lý xa xưa còn khép kín. Thân phận người phụ nữ Phương Đông bị những quy định ràng buộc xuất phát từ các quan niệm của Nho giáo không cho phép người phụ nữ có lối sống hay suy nghĩ buông thả, nhất là đối với phụ nữ đã có chồng phải chính chuyên không thể tư tưởng đến người đàn ông khác dù đó chỉ là ý nghĩ biểu cảm sự ái mộ về đức tính cao thượng, hào hiệp thì cái «thích» đó cũng bị kết tội là ngoại tình! Người phụ nữ xưa luôn bị đứng sau dù ở mọi hoàn cảnh, phải theo : «tam tông, tứ đức ». Tam tông: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử: Khi còn ở nhà thì phải nghe theo cha anh, lấy chồng nghe theo chồng, chồng mất thì nghe theo con. Tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh: Công việc phải khéo léo, dung mạo phải hòa nhã gọn gàng, lời nói phải dịu dàng mềm mỏng, tính nết hiền thảo nết na.

Nhà thơ T.T.K.H dùng bút hiệu mà dấu tên mình vì áp lực của luân lý cổ điển. Xét về mặt tình cảm của con người thì trái tim có lý lẽ riêng không thể lấy luân lý mà phán xét được. Nhà thơ đã không dằn vặt từ cuộc hôn nhân để đến với tình yêu cho trọn vẹn mà chỉ thổ lộ tình cảm của mình lên trang giấy. Dù trân quý sự chân thật của con tim không dối lòng nhưng nằm bên chồng mà nhớ người yêu là ngoại tình! Phải chăng nhà thơ gửi bài thơ đăng báo là muốn thách thức dư luận hay thi nhân muốn tố cáo trong cái luân lý ấy cũng có bề trái, lắm kẻ đạo đức giả khi cho phép «traí năm thê bảy thiếp»?! Luân lý thường thay đổi theo từng xã hội, từng thời kỳ, ngày nay cái nhìn về tình yêu cởi mở hơn nhưng trong tình nghĩa vợ chồng người ta vẫn không chấp nhận được người ngẫu phối nghĩ đến người khác vì «tính ghen».

Bài thơ tuyệt vời, mang tính độc đáo vì dám nói lên bề trái của tình yêu luân lý vợ chồng mà muôn vàn bài thơ về sau vẫn chưa có bài trùng ý: Thơ tình chứa đầy chất lãng mạn, là lời ru tiếng nấc của con tim như dòng suối mát hương thơm, nâng niu tình yêu, nên đôi khi ý thơ vượt trước thời đại, chối bỏ những ràng buộc luân lý xã hội đương thời còn khép kín. Con người từ khi xuất hiện thì tính lãng mạn cũng phát sinh. Nhà thơ đã thả hồn mình theo trăng sao để gửi về nơi xa xăm ấy một chút tình. Chỉ có nhà thơ mới dám bộc lộ lòng mình. Thi sĩ TTKH để lại bài thơ tình còn lưu trong văn học mà một thời đã gây xôn xao đầy bao giấy mực:

## Hai Sắc Hoa Ti-Gôn

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn  
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,  
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,  
Tôi chờ người đến với yêu đương.  
Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng  
Đãi đường xa vút bóng chiều phong,  
Và phương trời thăm mờ sương, cát,  
Tay vít dây hoa trắng chạnh lòng.  
Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,  
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,  
Bảo rằng: "Hoa, dáng như tim vỡ,  
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"  
Thuở ấy, nào tôi đã hiểu gì  
Cánh hoa tan tác của sinh ly,  
Cho nên cười đáp: "Màu hoa trắng  
Là chút lòng trong chẳng biến suy"  
Đâu biết lần đi một lữ làng,  
Dưới trời đau khổ chết yêu đương.  
Người xa xăm quá! - Tôi buồn lắm,  
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...  
Từ đây, thu rồi, thu lại thu,  
Lòng tôi còn giá đến bao giờ  
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...  
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.  
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời  
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,  
Mà từng thu chết, từng thu chết,  
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".  
Buồn quá! hôm nay xem tiểu thuyết  
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa  
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ.  
Và đỏ như màu máu thấm pha!  
Tôi nhớ lời người đã bảo tôi  
Một mùa thu trước rất xa xôi...  
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,  
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi!  
Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,  
Chiều thu, hoa đỏ rụng chiều thu  
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng,  
Người ấy sang sông đứng ngóng đò.  
Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,  
Trời ơi! Người ấy có buồn không?  
Có thăm nghĩ tới loài hoa... vỡ  
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?

(T.T.K.H 23.11.1937)



Vào cõi thơ là lạc cõi bồng bình vô tận, nơi ẩn chứa những tâm hồn đa sầu đa cảm của thi nhân về những mối tình thiêng liêng sâu kín nhất. Nhà thơ đi giữa cõi mộng và thực hòa lẫn mộng thực cho đời thêm sắc màu. Thơ là bạn đồng hành của những tâm hồn đau khổ, thơ sẽ làm vui đi nỗi buồn, vỗ về những niềm đau, thi vị hóa những cuộc tình dang dở biến thành một "thú đau thương" tặng cho đời. Nói đến thơ tình thời kỳ lãng mạn ở thế kỷ trước không thể quên người thi sĩ tài hoa tự nhận mình là "chân quê" đó là thi sĩ Nguyễn Bính. Có lẽ ngôn ngữ thơ ông bị ảnh hưởng nhiều từ ca dao nên mới tự nhận mình là chân quê. Nhưng "chân quê" ở đây là "chất Việt Nam", cái hiền hòa "trong sáng" chứa trong tâm hồn người dân quê bình dị. Bút pháp

tài tình, sử dụng điều luyện ngôn ngữ chân phương, có thể xem thi sĩ Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ có nhiều bài thơ tình hay và độc đáo ở thời kỳ đó. Thơ tình lục bát một thể thơ độc đáo của Việt Nam dễ bắt chước về hình thức nhưng khi thực hành lại khó tạo cho bài thơ trở nên hay! Thông thường những vần thơ lục bát dễ trùng nhau về thanh, cách gieo vần điệu, nhưng lại khó ngắt câu kếp tạo nhịp. Rất khó dùng đảo ngữ, ngắt nhịp để hình ảnh câu thơ không rơi vào lối sáo mòn vì lặp lại những ý thơ đã cũ, xếp nếp khiến ngôn ngữ lại càng nhạt nhẽo! Thi sĩ Nguyễn Bính đã tạo cho mình một cõi riêng nên dòng thơ lục bát trữ tình của ông đã vào văn học sử, thuộc về dân gian:

*Hôm nay dưới bến xuôi đò  
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.  
Anh đi đấy, anh về đâu?  
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*  
(Không Đề)

Thi nhân nặng nợ với tình thơ nào khác chi kiếp tầm nhả tơ. Hồn thơ tựa làn khói, mùi hương; mà hương thì vô ảnh người đời chỉ cảm nhận chứ không thấy được hình tướng. Nhưng ngay cả lúc hữu hình hồn thơ hóa thể thành sợi khói vàng mây chúng ta đều nhìn thấy nhưng nào ai nắm bắt được? Chỉ có con tim thi nhân mới biết hóa thể theo sự rung cảm nhập vào ngoại cảnh thành những bông hoa đời.

Trong tiến trình của dòng lịch sử thi ca kể từ thời thơ cổ đại đến dòng thơ tạo sinh hôm nay về hình thức cấu trúc của thơ có nhiều thay đổi, nhưng hồn thi nhân vẫn thế, vẫn là một cõi riêng như giọt sương mai mong manh dưới nắng hồng, vẫn long lanh tỏa ra muôn sắc, dù chỉ một thoáng sẽ tan vỡ nhưng sẽ mang theo màu diễm ảo về một cõi vô cùng. Nhập vào cõi thơ là sống trong cõi phiêu bồng. Có những hình ảnh chỉ thoáng trong giấc mộng hay trong tâm tưởng rất đẹp như những bài thơ không lời nên không thể chép được nhưng vẫn làm say đắm lòng, nhất là những ai có tâm hồn đa cảm. Từ ngàn xưa gió trăng vẫn thế, không mang cảm tính nhưng kể từ khi có nhà thơ xuất hiện đã mang tâm cảnh hòa với ngoại cảnh để gió trăng kề cận, giao duyên với nhau. Gió tuy gần nhưng lại vô hình bóng, thế mà gió cũng biết lả lơi đùa trên làn tóc rối. Trăng tuy xa vời vợi nhưng trăng bồng hóa gần để ngậm ngùi, chia sẻ những đau thương của những mảnh đời vỡ vụn. Thi sĩ Hàn Mặc Tử, người nghệ sĩ tài hoa nhưng lại mắc một chứng bệnh nan y, nhà thơ thích ngắm trăng đùa với gió, nhưng mỗi độ trăng tròn là cảm thấy đau đớn. Cái đau ở đây không phải là đau thể xác mà đau ở tâm hồn, vì chứng bệnh nan y đó đã làm tê liệt các tế bào của ông không còn cảm giác. Nhưng nỗi đau trong tâm hồn là một khối sầu vẫn chất ngát làm sao thi sĩ có thể quên?! Là thi sĩ nên Hàn Mặc Tử đã hòa với gió trăng để vợi niềm đau, những cảm xúc ấy đã họa cho đời một bức tranh qua câu thơ tuyệt vời:

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu  
Đợi gió đông về để lả lơi.  
Hoa lá ngây rình không muốn động,  
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.*  
(Bến Lèn)

Hoặc

*Trăng, trăng, trăng, là trăng, trăng, trăng!  
Ai mua trăng tôi bán trăng cho  
Không bán đoàn viên ước hẹn hò...*  
(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Thơ tình “lừa đời” là những trái mộng đầu đời ai cũng có thể hái dệt thành thơ. Người làm thơ đã chất chiu kỷ niệm gom nhặt cảm xúc rồi trang trải lên trang giấy học trò thành nhiều bài thơ tình có bài hay có bài dở. Những bài thơ tình thơ mộng đó dễ bị quên lãng hoặc người đời không hề biết đến vì nó thiếu tính độc đáo, bài thơ nào cũng na ná giống nhau! Để thành một bài thơ tình xuất sắc, độc đáo được cả nội dung lẫn hình thức rất khó! Ở tuổi mới lớn tình yêu vừa chớm tâm hồn còn trong sáng đầy mơ mộng và tình yêu như nụ hương ngây ngất khiến hồn bồng bênh say đắm dễ cảm xúc nên có thể làm một bài thơ tình hoặc nhiều bài thơ nặng chất học trò nhưng lại khó hay vì lời và ý còn mộc mạc! Người làm thơ không có ý trở thành thi sĩ nên chưa chú ý về nghệ thuật cấu trúc thơ để có thể diễn đạt được những cái hay cái đẹp của thi ca bằng ngôn ngữ chất lọc thành bài thơ tình muôn thuở. Nếu cái nguyên sơ mộc mạc của lời tỏ tình diễn tả được ý

nghĩa sâu sắc, chất độc đáo của cuộc tình thì bài thơ sẽ là cõi riêng, thơ sẽ chấp cánh và đi vào lòng người tồn tại lâu dài với thời gian. Ở tuổi về chiều làm một bài thơ tình rất khó vì con tim đã cằn cội lại chứa đầy những biến động thăng trầm nên hồn thơ bị trầy trụa, cảm xúc dễ bị sơ cứng do đó hụt hẫng trước cuộc đời nên lời thơ kém óng ả mượt mà, nhất là không dám thổ lộ tiếng nói thật của con tim cho dù kỹ thuật làm thơ rất điêu luyện!

Trong vườn thơ hải ngoại đa số các thi sĩ đã qua thời thanh xuân cháy bỏng làm những bài thơ tình dù nổi đam mê sáng tác và nguồn cảm hứng thơ vẫn còn nhưng đa số là thơ hoài niệm về quê hương. Đây là nguồn cảm hứng vô tận trong tâm thức của người tha hương vì khi ra đi họ đều mang theo một quê hương trong trái tim. Thơ xa xưa ở quê nhà vào đầu thập niên 60 của thế kỷ trước trên làng thi văn xuất hiện những bài thơ tình độc đáo của Anh Hoa nhưng những vần thơ ngọt lịm đó chẳng bao lâu bị chìm khuất bởi khói lửa chiến chinh, nhà thơ bị cuốn hút vào vòng lửa đạn, tiếng thơ bị át bởi tiếng vọng quê hương. Thế sự thăng trầm nhà thơ già từ chiến trường để đi vào chốn lao tù tập trung.

Hơn mười mấy năm khổ ải trong ngục tù nhà thơ Anh Hoa đã vui với vần thơ, đã dựa vào thơ mà sống. Ra được hải ngoại Anh Hoa đã cảm ơn vần thơ và cảm thấy chung quanh đời vẫn đẹp, còn nhiều sắc màu như muôn hoa nên nhà thơ đã đổi bút hiệu thành Hoa Văn để làm những bài thơ tặng người, tặng đời. Nay tuổi đã xế chiều nhà thơ vẫn sáng tác đều, vẫn cho ra nhiều tập thơ mà trong đó có hàng trăm bài thơ tình suốt mười thi sĩ đã viết cho người mình yêu dù đó chỉ là mối tình đơn phương! Tình yêu đã giúp cho hồn thi nhân thăng hoa nên nguồn cảm xúc của Hoa Văn vẫn mãnh liệt, vẫn nhạy bén trước ngoại cảnh bằng một sự rung động thật. Phải chăng nó là hoa thơm cỏ lạ bắt nguồn từ hình bóng người mà nhà thơ yêu quý rồi biến đổi tượng thành một một nàng thơ để thi sĩ thả hồn và dệt mộng.

Trong những thi tập của Hoa Văn, cái thực trong đời và cái mộng trong ảo giác đã hòa nhau chấp cánh nên có rất nhiều hình ảnh bóng hồng từ người thật cũng như ảo lướt qua trong tâm hồn thi nhân để kết thành nàng thơ. Màu sắc, không gian trong thơ Hoa Văn đôi khi là những hình ảnh tưởng tượng không nhất thiết phải có thực ngoài đời và nàng thơ trong của thi sĩ cũng thế, được thăng hoa hóa thể nhập vào thơ làm rung cảm người đọc như lời tình tự của thi sĩ đang viết cho mình. Nhà thơ yêu thơ của mình hơn những thực thể ở ngoại cảnh nên đã tô vẽ màu sắc cho lời thơ óng ả, suốt mượt làm đẹp con chữ, ý thơ. Tình yêu lứa đôi là chất liệu nhạy bén làm rực cháy tâm hồn, phải sống với hơi thở của tình yêu mới cảm được lời thì thầm của con tim thì mới viết được bài thơ Tình độc đáo để đời, nếu không chỉ là những bài văn điệu đã có từ hàng ngàn năm trước xếp nếp vì quá cũ mà ai cũng có thời dệt sợi tơ tình làm thơ. Nàng thơ đóa hoa nghệ thuật, là người thật đã được nhà thơ chọn làm đối tượng cho tác phẩm 300 bài. Những áng thơ tình tuyệt diệu dù chỉ một bài vào trang sách cũng đủ cho đời thưởng lãm vì tình yêu thì muôn đời không phai:

*Tình em mãi mãi mên như lụa  
Mãi mãi lung linh chẳng tận cùng  
Bát ngát hương hoa ngào ngọt tỏa  
Bên đời chỉ thấy những thương mong.*  
(trích: Hương Tình Hoài Điệp)

### **Viết Cho Nhau**

*Em ơi quá khứ nhủ thầm  
Tạ từ mười ngón tay cầm nín buồn  
Đêm về ngổ mắt cô đơn  
Lệch đôi dép cũ nghe mòn thời gian  
Năm dư tháng đủ ngày tàn  
Buồn xê dịch thuở đời man dại rồi  
Mùa đi mắt đỏ chân trời  
Mùa về môi ngọt tiếng cười hồi sinh.*  
(Thơ thập niên 60)

Thi ca sở dĩ được ca ngợi vì nó đã đóng góp phần trong kho tàng văn hóa dân tộc, do đó những bài thơ có ý thơ sâu sắc, lời thơ mượt mà chọn lọc đều được người đời nhớ lâu. Nhưng có người quá ham thích số lượng cốt sáng tác để «có nhiều thơ» nên đã cắt xén những ca từ của những nhạc phẩm hoặc cóp nhặt những mẫu

chuyện tình trong các tiểu thuyết Âu Á, hay của những bài thơ khác rồi cắt dán, vá víu gọi là sáng tạo, nhưng trong số những nhà thơ có người thực sự luôn tìm kiếm những mới lạ và đã cho đời những bài thơ hay, độc đáo. Trong muôn vàn bài thơ tình làm từ thuở học trò cũng chỉ có một số ít bài hay đã đến với giới thưởng ngoạn, và số ít người làm thơ đó chính là thi sĩ với những bài thơ tình mang tính độc đáo. Để diễn tả thơ tình người làm thơ thường dùng nhiều thể thơ khác nhau, nhưng với lục bát hay ngũ ngôn dễ kể lẽ hơn. Loại thơ ngũ ngôn tứ tuyệt rất khó diễn đạt vì quá ít chữ và câu lại ngắn nên nhà thơ thường dùng thể thơ 5 chữ nhiều đoạn để diễn tả. Thể thơ này dễ làm nhưng lại khó diễn tả hay vì điệp ngữ, trùng ý! Do đó nhà thơ phải chọn chữ lồng ý để mạch thơ được liên tục không lặp lại những ý, câu chữ ở những đoạn trên. Một bài thơ được làm ra từ hứng cảm nhiều khi nhà thơ không mấy chú trọng hoặc cố ý mang những chất liệu âm nhạc hội họa tư tưởng vào thơ, nhưng trong thơ vẫn có, vì những môn nghệ thuật ấy đã được nhà thơ học hỏi, hoặc cảm nhận từ lâu. Nó đã in sâu vào tiềm thức của nhà thơ, và khi làm thơ dù không cố tình nó vẫn tuôn ra theo mạch cảm hứng của thơ.

Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp viết bài Chùa Hương năm 1934 là bài thơ tình xuất sắc. Nhà thơ diễn tả tâm trạng người thiếu nữ ở tuổi chớm dậy thì của đầu thế kỷ 20 trước, thời đó xã hội còn nặng chất phong kiến, trai gái chưa dám đối diện tỏ tình, thế mà cô bé mười lăm đã dám thổ lộ tiếng lòng khi gặp tiếng sét ái tình. Bài thơ được lồng trong phong cảnh đẹp nửa tiên nửa trần thật tuyệt vời. Hai câu chót của bài thơ diễn tả cái tâm đích thực của tình yêu qua lời nguyện cầu. Nàng chẳng cầu xin khỏe mạnh, giàu có tiền tài hay học hành tấn tới, mà chỉ xin: «Sao cho em lấy được chàng». Bài thơ này về sau đã được bao nhạc sĩ phổ thành nhạc còn truyền tụng mãi đến hôm nay. Vì bài thơ dài, xin minh họa vài nét:

*Hôm nay đi chùa Hương.  
Hoa cỏ mờ hơi sương  
Cùng thầy me em dậy.  
Em vẫn đầu soi gương....  
Em tuy mới mười lăm  
Mà đã lắm người thăm...  
Nhưng em chưa lấy ai,  
Rằng em còn bé lắm,  
Ý đợi người tài trai...  
Phơn phớt áng mây hồng.  
Giòng sông nước đục lờ.  
Ngâm nga chàng đọc thơ!  
Thầy khen hay, hay quá!  
Em nghe ngòai ngán ngờ....  
Em đi, chàng theo sau,  
Em không dám đi mau,  
Ngại chàng chê hấp tấp,  
Số gian nan không giàu.....  
Ôi! Chùa trong đây rồi!  
Động thẳm bóng xanh ngời.  
Gấm thêu trần thạch nhũ,  
Ngọc nhuộm hương trầm rơi...  
Thầy kêu mau lên nhé,  
Chiều hôm nay ta về.  
Em nghe bỗng rưng rờ!  
Nhìn ai luống nghẹn lời!  
Giờ vui đời có vậy,  
Thoáng ngày vui qua rồi!  
Làn gió thổi hây hây.  
Em nghe tà áo bay,  
Em tìm hơi chàng thổi!  
Chàng ôi, chàng có hay?...  
Ngọn ngút khói hương vàng,  
Say trong giấc mơ màng,  
Em cầu xin Giới Phật*

*Sao cho em lấy chàng."*  
(Chùa Hương)

Nguyễn Tất Nhiên là một trong số người làm thơ ngũ ngôn nổi tiếng khi còn rất trẻ năm xưa. Thơ ông mộc mạc nhưng có tính độc đáo. Ngôn ngữ thơ không mang những biểu trưng về hình tượng hội họa nhưng lại là những hình ảnh đượm chất tâm linh. Cái hay của thơ ông là giữ nguyên thủy ngôn ngữ học trò nhưng đầy tính nhạc, ý thơ vượt thoát khỏi khuôn khổ nhà trường và mang tình yêu lứa đôi vào giáo đường, những nơi thờ tự mà không e ngại cấm kỵ nhưng vẫn giữ tính tôn nghiêm. Nhà thơ giàu tưởng tượng, hư cấu cái thực của đời qua ngôn ngữ thành những hình ảnh sống động làm phong phú ý thơ:

*vì tôi là linh mục  
không mặc áo nhà giòng  
nên suốt đời hiu quạnh  
nên suốt đời lang thang ! ..  
tín đồ là người tình  
người tình là ác quỷ...  
(Linh Mục - 1970).*

Thi sĩ là người ngoại đạo yêu hai người bạn gái cùng trường vào hai thời điểm khác nhau vài năm, một người tên là Bùi Thị Duyên, một người tên là Nguyễn Thị Minh Thủy. Hai người cùng có đạo nên ông thường hay ngồi quán café để ngắm nhìn người mình yêu đi xem lễ, đôi khi đi theo người yêu vào nhà thờ:

*Chuông nhà thờ đổ mệ, Tượng Chúa gầy hơn xưa..  
Anh bây giờ có lễ, Thiết tha hơn tín đồ...*

Đối với Bùi Thị Duyên thi sĩ yêu đơn phương đắm say trong mộng ảo, dù biết là vô vọng nhưng vẫn cứ yêu. Người ấy đã đi lấy chồng bỏ trường bỏ phố ít về chốn cũ. Nỗi trống vắng làm nhà thơ cảm nhận sự bẽ bàng tột cùng của tình yêu. Nhà thơ xót xa cho tình yêu nhưng thương những kỷ niệm, ông tìm đến giáo đường hướng tâm hồn về đức tin Thiên Chúa để tìm sự an lạc, dù rằng nơi ấy đã vắng tiếng cầu kinh của nàng! Vào năm 1970 thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên viết bài thơ Khúc Tình Buồn, được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành nhạc và đã đổi tựa là: Thà Như Giọt Mưa đã trở thành một ca khúc nổi tiếng và nhờ đó công chúng biết đến bài thơ. Lời thơ mang chút triết lý nhân sinh, nhưng ý thơ lại diễn tả một mối tình tuyệt vọng:

*Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá,  
thà như giọt mưa khô trên tượng đá,  
có còn hơn không, có còn hơn không...*

Giọt mưa vốn mong manh rơi trên đường biển vào hư không, nhưng giọt mưa trong thơ là khối tình được ẩn dụ qua hình tượng như giọt thủy tinh vỡ trên tượng đá tan thành trăm mảnh. Phải chăng thi sĩ thà là cứ yêu để tình tan vỡ mà còn được quyền yêu hơn là để tâm hồn chẳng biết tình say đắm thì ý nghĩa của câu : «Có còn hơn không» sẽ thành vô nghĩa. Nhà thơ chẳng triết lý cao xa nhưng lý lẽ của tình yêu lại là một triết lý về lẽ đạo. Từ một thể chân không vi diệu biến hóa thành hiện tượng vũ trụ cảnh trí thì đối với nhà thơ giữa nhị nguyên Có và Không thi sĩ vẫn chọn là Có để thể hiện nguồn cảm xúc giữa Người và Vật, Tâm và Cảnh của bản ngã trong thế giới hữu tình. Vì trong cái không thăm thẳm đó chỉ có người giác ngộ mới nhận chân được giá trị tánh không tâm linh!

*Người từ trăm năm  
về qua sông rộng  
ta ngoắc mòn tay  
trùng trùng gió lộng  
(thà như giọt mưa  
vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa  
khô trên tượng đá  
có còn hơn không*

*Thà như giọt mưa vỡ trên mặt Duyên  
Để ta nghe thoáng tiếng mưa vội đến  
Những giọt run run ướt ngọn lông măng...».*  
(Khúc tình buồn - 1970)

Quá cuồng si, nhà thơ còn ví người tình của mình là như vị nữ tu:

*Em hiền như ma soeur  
Vết thương ta bốn mùa  
Trái tim ta làm mũ  
Ma soeur này ma soeur ..*  
(Ma Soeur - 1971)

Nhưng với Nguyễn Thị Minh Thủy tình yêu đến hơi muộn, có đôi chút trắc trở ban đầu nhưng vẫn được đáp nhận, sau đó kết thành vợ chồng:

*Hai năm tình lận đận  
Hai đũa cùng xanh xao.....  
Em không còn thất bính  
Nuôi dưỡng thời ngây thơ  
Anh không còn lịnh quýnh  
Giữa sân trường trao thư.....  
Em bây giờ có lẽ  
Toan tính chuyện lọc lừa  
Anh bây giờ có lẽ  
Xin làm người tình thua...  
Chuông nhà thờ đổ mệ  
Tượng Chúa gãy hơn xưa..  
Anh bây giờ có lẽ  
Thiệt tha hơn tín đồ ...*  
(Hai Năm Tình Lận Đận - 1972)

Thơ ông có những đoạn được lập lại tạo thanh âm như nhịp láy làm nổi bật ý thơ : «thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá, thà như giọt mưa khô trên tượng đá,..». Các nhạc sĩ tài hoa đã nhận được cái tính nhạc trong thơ ông nên phổ thành những ca khúc hay Nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ : «Thà Như Giọt Mưa, Em Hiền Như Ma Soeur, Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ, Hai Năm Tình Lận Đận. Nhạc sĩ Anh Bằng phổ bài thơ Trúc Đào, và Nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang phổ một bài thơ Linh Mục.

Dòng lãng mạn hòa với tâm linh khiến hồn thơ chấp cánh bay vào cõi bồng phiêu, nơi chỉ còn lại chấm sáng của tình yêu. Nương theo Mê Hồn Ca của thi sĩ Đinh Hùng để vào cõi huyền hoặc bằng con tim nồng cháy, như ánh lửa hơ ấm những tâm hồn ở bên kia bờ xa thăm qua lối thơ Tượng Trưng được trau chuốt, gọt dũa, có nhiều ý hay lạ, nhiều hình ảnh và ngôn từ quái dị, yêu ma:

*Cười lên em, khóc lên em  
Đâu trăng tình sử nét trần duyên  
Gót sen tổ nữ xông xao đêm huyền  
Ta đi lạc xứ thần tiên  
Hồn trùng dương hiển bóng thuyền u minh  
Ta gửi bài thơ anh linh  
Hỡi người trong mộ có rung mình  
Nắm xương khô lạnh còn ân ái  
Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình.  
hỡi người tuyết trinh, hỡi người tuyết trinh  
Mê em ta thoát than hình  
Nhập hồn cây cỏ đa tình mỗi đêm....”*  
(Gởi Người Dưới Mộ)



Ở thuở ban đầu khi đường tình mới chớm nở, thi nhân đã xem thơ và người tình đều là tri kỷ vì thơ đã giúp cho tình yêu thăng hoa. Nếu hội họa khởi đi từ óc tưởng tượng và do bàn tay khéo léo biết kết hợp đường nét, màu sắc, ánh sáng và bóng tối để tạo nên bức tranh ấn tượng thì thơ cũng cần có sự tưởng tượng để tạo nên hình ảnh linh động. Trong bài thơ Tương Tư của thi sĩ Nguyễn Sa, nhà thơ đã vẽ lên một bức tranh ấn tượng mà họa sĩ muốn họa lại nét thơ chắc phải ngừng cọ rất lâu để tìm chất liệu tạo hình:

*Tôi đã gặp em tự bao giờ  
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya.  
Kể từ gió thổi trong vừng tóc,  
Hay lúc thu về cánh nhạn kia.  
Có phải em mang trên áo bay,  
Một phần gió thổi một phần mây.  
Hay là em gói mây trong áo?  
Rời thờ cho làn áo trắng bay...  
(Tương Tư)*

Thi sĩ Thái Can qua bài Em Biết Anh Đi:

*“Em biết anh đi chẳng trở về  
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.  
Em đừng quay lại nhìn anh nữa:  
Anh biết em đi chẳng trở về.  
(Anh Biết Em Đi)*

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

*Bài thơ hạnh ngộ đã trao tay,  
Ôi mộng nào hơn giấc mộng này ?  
Mùi phấn em thơm mùi hạ cũ,  
Nửa như hoài vọng, nửa như say .  
Em đến như mây, chẳng đợi kỳ,  
Hương ngàn gió núi động hàng mi  
Tâm tư khép mở đôi tà áo,  
Hò hẹn lâu rồi - Em nói đi ...  
(Bài Ca Hạnh Ngộ)*

Thi sĩ Huy Cận:

*..Sợ buồn con nhện giăng mau;  
Em ơi ! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.  
Lòng anh mở với quạt này;  
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.  
Ngủ đi em, mộng bình thường !  
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...”  
(Ngậm ngùi)*

Ở thời đại khoa học tiến bộ vượt bậc, đời sống vật chất cao đã ảnh hưởng đến đời sống con người. Chấn lảng mạn bị dần khô héo, mặc dù ngoại cảnh nơi xứ người vẫn bốn mùa thay đổi. Phải nặng tình thơ lắm thi nhân mới dám ôm cái nghiệp dĩ vào thân, lắng hồn mình hòa với ngoại cảnh để thấy hoa cười trong nắng mai, sợ buồn giăng cỏ úa, và gom ngoại cảnh nhập thành tâm cảnh nghe nỗi buồn rả rích bò trong xương tủy, len qua tiếng trờ dài.

Trên bước đường tha hương thơ là bạn đồng hành của người xa xứ. Thơ đã chia sẻ niềm đau, nỗi nhớ và sự cô đơn. Ở tuổi quá đôi mươi, người làm thơ bị đời cuốn hút, cuộc sống bị thực tế cọ sát, chất thơ học trò mơ mộng bị hòa với cuộc sống nhập theo từng hoàn cảnh, đời và thơ quỵện nhau tạo thành những dòng chảy muôn hướng. Có những nhà thơ thích làm mới thi ca, muốn tìm tòi đổi mới ngôn ngữ, thể nghiệm một bút

pháp lạ, một hình thức diễn đạt mới điều đó rất quý và khuyến khích, nhưng tiếc thay nhiều người làm thơ đã lạm dụng sự cảm xúc để vội vã thành danh nên không cần trọng tính thẩm mỹ của thi ca nên đã không trân trọng Thơ, do đó đã gây cho làng thơ trong nước cũng hải ngoại bị dao động, xô xao ! Những áng thơ tình tạm lắng xuống nhường cho những nguồn thơ khác như: Quê Hương, Thân phận, Chiến Tranh, Ngục Tù, Tâm Linh... Thi sĩ cũng từ đó mà bước ra dật gấm hoa cho đời. Ở tuổi trung niên và cao hơn... Thơ "lừa đời" lại càng xa vời, khó diễn đạt hơn những thể loại khác...khó về cảm hứng, sự rung động, lòng đắm say... để dệt bài thơ hay? Chỉ có thi sĩ mới rung cảm được với cái buồn tha nhân mà hóa thân nhập vai để diễn tả nỗi đau, sự bế bàng, giọt nước mắt của tha nhân, đồng điệu buồn tiếng thở dài, hay vút cao lời hân hoan ca ngợi.

Ở trên đời, nếu chỉ có một loài hoa thì nghệ sĩ sẽ không còn cảm hứng sáng tác về sự nhiệm màu của thiên nhiên ? Thơ cũng như hoa muôn màu muôn sắc, tùy theo nhịp đập rung cảm của thi nhân. Nhà thơ không làm công việc của nhà lý luận, nhà khoa học, nhà thần học hay triết gia... để tìm cái mới lạ trong thế giới hiện hữu, cái huyền bí của vũ trụ...vv.nhưng thi nhân có thể sống với với tôn giáo, luân lý qua tâm linh để phát hiện thêm lẽ đạo của cuộc đời, và sống triết qua thơ. Hồn thơ tựa ánh sao băng, thoáng trên bầu trời từ một hành tinh xa xăm nào đó trong vũ trụ lạc xuống trần, đọng trên kẽ lá thành những hạt sương mai. Bỗng ngọn gió vô tình lướt qua lay động cành cây, làm vỡ những viên ngọc trời thành muôn mảnh. Trước khi tan biến nó vẫn đọng được màu sắc rực rỡ của bình minh.

Đỗ Bình